TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2018/DS-ST
Ngày: 17-10-2018
V/v "tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ghên

2. Bà Lương Thị Hồng Thắm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Quốc – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 577/2018/TLST-DS ngày 18 tháng 9 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 257/2018/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng A.

Địa chỉ trụ sở: Số 89, Đường L, phường L H, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông D, chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Chị Nguyễn Kim T, sinh năm 1996. Địa chỉ: Số 43, Đường số 7, Khu dân cư N, phường A, quận B T, Thành phố H. (Theo văn bản ủy quyền số 95/2017/UQ-GĐK-TDTD ngày 27/4/2018).

- *Bị đơn:* Ông Lê Hoàng V, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số 128Đ/4, Khu vực 4, thị trấn Đ, huyện Đ H, tỉnh L.

(Đại diện nguyên đơn có mặt, bị đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/9/2018, bản tự khai ngày 02/10/2018 và tại phiên tòa, nội dung khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A (viết tắt là Ngân hàng) được tóm tắt như sau: Vào ngày 19/8/2013, ông Lê Hoàng V có ký Hợp đồng tín dụng số 20130818-200003-0001 với Ngân hàng A để vay số tiền 36.750.000đ với lãi suất 2,91% tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận tại hợp đồng, ông V có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là

59.833.000đ (gồm cả lãi và gốc), trả chậm trong 36 tháng. Trong 35 tháng đầu, mỗi tháng trả 1.663.000đ vào ngày 20 hàng tháng, tháng cuối cùng trả 1.628.000đ, bắt đầu từ ngày 20/9/2013. Sau khi ký kết hợp đồng, ông V đã nhận đủ số tiền vay và đã thanh toán cho Ngân hàng 05 lần với số tiền 8.315.000đ. Kể từ ngày 20/01/2014 đến ngày 23/4/2018, ông V không tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng như thỏa thuận. Từ ngày 24/4/2018, ông V tiếp tục trả thêm cho Ngân hàng 04 lần với số tiền 7.852.000đ rồi lại không tiến tục thanh toán. Đối chiếu lại toàn bộ số tiền đã vay với khoản tiền anh V đã trả thì anh V hiện còn nợ Ngân hàng 43.666.000đ (tiền nợ gốc là 25.764.863đ, nợ lãi là 17.901.137đ). Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông V phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc, nợ lãi tổng cộng là 43.666.000đ. Chị T xác định đây là loại hình Ngân hàng cho vay trả góp hàng tháng, đã được tính tiền lãi vào số tiền dư nợ gốc ban đầu nên trong giai đoạn thi hành án, ông V không phải trả thêm tiền lãi trên số tiền còn nợ.

Bị đơn Lê Hoàng V trình bày tại bản khai ngày 02/10/2018, được tóm tắt như sau: Ông có vay và hiện còn nợ Ngân hàng A số tiền 43.666.000đ (tiền nợ gốc là 25.764.863đ, nợ lãi là 17.901.137đ) đúng như đơn kiện của Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông thanh toán số tiền trên, ông đồng ý trả nhưng xin trả dần hàng tháng với số tiền là 1.000.000đ cho đến khi hết nợ, do hoàn cảnh gia đình ông đang gặp nhiều khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Các đương sự đều thống nhất các chứng cứ của vụ án đã được giao nộp đầy đủ và được công khai đúng thủ tục. Qua hòa giải các bên không thỏa thuận được với nhau, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật. Bị đơn Lê Hoàng V có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng trả góp số 20130818-200003-0001 ngày 19/8/2013 được ký kết giữa các bên, sự thừa nhận của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận ông Lê Hoàng V có vay của Ngân hàng A số tiền 36.750.000đ với lãi suất 2,91% tháng để tiêu dùng cá nhân, trả chậm trong 36 tháng với tổng số tiền phải trả cả lãi và gốc là 59.833.000đ. Trong 35 tháng đầu, mỗi tháng trả 1.663.000đ vào ngày 20 hàng tháng, tháng cuối cùng trả 1.628.000đ, bắt đầu từ ngày 20/9/2013. Thỏa thuận này giữa Ngân hàng với ông V là phù hợp với quy định tại Điều 11 Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng được ban hành kèm theo Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, theo đó: *Mức lãi suất cho vay do tổ chức tín dụng và khách hàng thoả thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Mức lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn do tổ chức tín dụng ấn định và thoả thuận với khách hàng trong hợp đồng tín dụng nhưng không vượt quá*

150% lãi suất cho vay áp dụng trong thời hạn cho vay đã được ký kết hoặc điều chỉnh trong hợp đồng tín dụng. Thỏa thuận này cũng phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 có hiệu lực từ ngày 01/01/2011, theo đó: "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật."* Do đó, khi ông V vi phạm nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận trong hợp đồng thì Ngân hàng có quyền khởi kiện để thu hồi nợ gốc, nợ lãi theo quy định của pháp luật. Đại diện Ngân hàng và ông V thống nhất xác định số tiền hiện ông V còn nợ Ngân hàng là 43.666.000đ, trong tiền nợ gốc là 25.764.863đ, nợ lãi là 17.901.137đ. Vì vậy, cần buộc anh T phải trả cho Ngân hàng số tiền 43.666.000đ, trong tiền nợ gốc là 25.764.863đ, nợ lãi là 17.901.137đ.

[3] Về lãi suất chậm thi hành án: Đại diện Ngân hàng đã xác định đây là loại hình cho vay trả góp hàng tháng, đã được tính tiền lãi vào số tiền dư nợ gốc ban đầu nên trong giai đoạn thi hành án, ông Lê Hoàng V không phải trả thêm tiền lãi trên số tiền còn nợ.

[4] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Lê Hoàng V phải chịu 2.183.300đ án phí (43.666.000đ x 5% = 2.183.300đ). Ngân hàng A không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 688 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13; Khoản 16 Điều 4, Điều 11 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Mục 3 phần I Thông tư liên tịch 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Bộ Tư pháp – Bộ Tài chính – TAND Tối cao – VKSND Tối cao hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản; Điều 6, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Lê Hoàng V trả cho Ngân hàng A số tiền 43.666.000đ, trong tiền nợ gốc là 25.764.863đ, nợ lãi là 17.901.137đ.

2. Về lãi suất chậm thi hành án: Đại diện Ngân hàng đã xác định đây là loại hình cho vay trả góp hàng tháng, đã được tính tiền lãi vào số tiền dư nợ gốc ban đầu nên trong giai đoạn thi hành án, ông Lê Hoàng V không phải trả thêm tiền lãi trên số tiền còn nợ.

3. Về án phí sơ thẩm: Buộc ông Lê Hoàng V phải nộp 2.183.300đ án phí sung công quỹ Nhà nước. Hoàn lại cho Ngân hàng A số tiền 1.092.000đ tạm ứng

án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003342 ngày 18/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

4. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Long An;
-VKSND huyện Đức Hòa;
-Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
-Đương sự;
-Lưu hồ sơ, án văn.

(Đã ký)

Trần Văn Khánh